TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2019/DS-ST
Ngày 29/11/2019
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi

2. Bà Phan Thị Xuân Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên Tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 170/2019/TLST-DSST ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2019/QĐST-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ trụ sở: Số 130, đường Phan Đăng L, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T1 – Chức vụ: Tổng giám; (Theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị);

Ông T1 ủy quyền lại cho: Ông Phạm Thanh T2– Giám đốc phòng giao dịch Đ; (Theo Quyết định ủy quyền số 635/QĐ-DAB-PC ngày 22/5/2018 của Tổng giám đốc).

Địa chỉ liên lạc: Số X, đường An Dương V, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 26, đường 650, tổ 08, ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/4/2014, Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn T3 có ký hợp đồng tín dụng số 0117573501T14003, để thỏa thuận cho ông T3 vay số tiền 35.000.000đ. Hai bên thỏa thuận: Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay là 8,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp đảm bảo là tín chấp. Ông T3 đã nhận đủ tiền vay 35.000.000đ. Tuy nhiên, từ ngày 16/6/2015 đến nay ông T3 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện để ông T3 thanh toán nhưng ông T3 cố tình né tránh và không thực hiện. Do ông T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/11/2019, ông T3 còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 34.392.053đ (trong đó nợ gốc 21.343.641đ, lãi trong hạn là 3.387.289đ, lãi quá hạn là 9.661.123đ). Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 thanh toán số tiền tổng cộng là 34.392.053đ, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông T3 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định ủy quyền, Giấy đăng ký vay tiền, Bảng chiết tính lãi đến ngày 29/11/2019, Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông T3.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T3.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 có trách nhiệm trả số tiền tổng cộng là 34.392.053đ (trong đó nợ gốc 21.343.641đ, lãi trong hạn là 3.387.289đ, lãi quá hạn là 9.661.123đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông T3 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 16/4/2014, Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn T3 có ký hợp đồng tín dụng số 0117573501T14003 để cho ông Nguyễn Văn T3 vay số tiền 35.000000đ. Hai bên đã thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 8,5%/năm, mục

đích vay tiêu dùng, biện pháp đảm bảo là tín chấp. Ông T3 đã nhận đủ tiền vay. Tuy nhiên, từ ngày 16/6/2015 đến nay, ông T3 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A theo thỏa thuận. Tính đến ngày 29/11/2109, ông T3 còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền 34.392.053đ (trong đó nợ gốc 21.343.641đ, lãi trong hạn là 3.387.289đ, lãi quá hạn là 9.661.123đ) là đúng.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông T3 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T3 căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Tại phiên Tòa hôm nay, phía nguyên đơn yêu cầu ông T3 phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; Cần buộc ông Nguyễn Văn T3 trả cho nguyên đơn số tiền là 34.392.053đ (trong đó nợ gốc 21.343.641đ, lãi trong hạn là 3.387.289đ, lãi quá hạn là 9.661.123đ). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số nợ tổng cộng là 34.392.053đ (ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 34.392.053đ (ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng); trong đó nợ gốc là 21.343.641đ, lãi trong hạn là 3.387.289đ và lãi quá hạn là 9.661.123đ); trả một lần số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.719.602đ (một triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm lẽ hai đồng) buộc ông Nguyễn Văn T3 phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 813.225đ (tám trăm mười ba nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0015965, ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan